

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 8 và kế hoạch công tác tháng 9 năm 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Trong tháng tình hình thực hiện các công tác chuyên môn cơ bản đạt kế hoạch theo tiến độ. Tuy nhiên, tình hình sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn dịch tả heo Châu Phi lây lan nhanh và xảy ra trên diện rộng rất khó kiểm soát, bệnh cúm gia cầm xảy ra rải rác; bão số 3 gây mưa nhiều kèm theo gió mạnh trên diện rộng làm thiệt hại đến sản xuất và đời sống dân sinh; giá cả các mặt hàng chính như: Lúa, tôm sú, tôm thẻ, cá tra, dưa khô ở mức thấp người dân gặp nhiều khó khăn trong tái đầu tư phát triển sản xuất.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban hành Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch và VSMTNT; Quyết định ban hành Quy định về mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông; phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh giai đoạn 2020 - 2022; phê duyệt các kế hoạch dập dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn các xã đang xảy ra dịch bệnh.

Triển khai công tác thu thập thông tin, số liệu làm cơ sở xây dựng 02 đề án: Đề án cải tạo vườn tạp và đề án chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản; lấy ý kiến góp ý để hoàn chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông; hoàn chỉnh nội dung soạn thảo tài liệu tuyên truyền về các chủ trương, chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 13 của Ban Bí thư Trung ương và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020, kế hoạch 2021-2025 trong lĩnh vực ngành Nông nghiệp và PTNT. Đang tiến hành rà soát, đánh giá lại các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn làm cơ sở tích hợp thành chính sách chung của tỉnh.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và PTNT

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Cây lúa: Qua kết quả điều tra thực tế thì diện tích gieo sạ còn lại 74.705 ha giảm hơn 797 ha so với thống kê sơ bộ ban đầu, nguyên nhân do thiệt hại đầu vụ (nông dân áp dụng biện pháp sạ khô tỷ lệ nảy mầm không đạt) nên không tính vào diện tích gieo sạ. Thu hoạch 15.848 ha, năng tổng số đã thu hoạch 19.716 ha, đạt 26,39% diện tích gieo sạ, chậm hơn so cùng kỳ 900 ha, năng suất trung bình 5,13 tấn/ha (giảm 0,22 tấn/ha so cùng kỳ); các giai đoạn sinh trưởng còn lại trên đồng: Đồng trở 18.599 ha, chín 36.634 ha. Diện tích lúa nhiễm sâu bệnh 1.075 ha (giảm

1.283 ha so với tháng trước), gồm: Đạo ôn cổ bông 358 ha (tỷ lệ bệnh từ 2 - 5%) ở xã Phong Thạnh (Cầu Kè) và một số xã của huyện Tiểu Cần; lem lép hạt 349 ha (tỷ lệ bệnh 5-10%) ở xã Thạnh Phú (Cầu Kè) và một số xã của huyện Châu Thành; đạo ôn lá 287 ha (tỷ lệ từ 5-10%) ở xã Tập Ngãi (Tiểu Cần), Đôn Xuân (Duyên Hải), phường 9 (thành phố Trà Vinh), một số xã của huyện Trà Cú và Cầu Ngang; cháy bìa lá 81 ha (tỷ lệ từ 5-10%) ở xã Mỹ Chánh (Châu Thành) và một số xã của huyện Tiểu Cần. Ngoài ra, còn có một số đối tượng gây hại khác như chuột, đom đóm vằn.... nhưng diện tích và mức độ gây hại không đáng kể. Vụ Thu Đông xuống giống 13.272 ha, đạt 17% kế hoạch (sớm hơn cùng kỳ 8.249 ha), lúa phát triển tốt tập trung ở 03 giai đoạn sinh trưởng: Mạ 9.330 ha, đẻ nhánh 3.472 ha, đòng trở 470 ha. Riêng huyện Châu Thành gieo mạ mùa 26 ha.

Cây màu và ngắn ngày khác: Gieo trồng 4.159 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 41.456 ha, đạt 74,97% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 1.770 ha), gồm: Màu lương thực 4.759 ha, màu thực phẩm 24.493 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.204 ha.

Tiếp tục theo dõi hệ thống bẫy đèn thu mẫu rầy di trú gửi phân tích kiểm tra sự hiện diện của virus lùn lúa cỏ và vàng lùn, lùn xoắn lá lúa; kiểm tra các điểm dự tính, dự báo và tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng như đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt trên lúa vụ Hè Thu; bệnh đốm nâu trên cây thanh long; bệnh vàng lá thối rễ và sâu đục trái trên cây có múi; bệnh chổi rồng trên nhãn; bọ cánh cứng và bọ vòi voi hại dừa để xây dựng kế hoạch phòng trị; tiếp tục tập huấn, phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè (tuần thứ 10); tổ chức 03 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn cho 80 nông dân xã Ninh Thới huyện Cầu Kè và hướng dẫn thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV bỏ đúng nơi quy định; tổ chức ra quân thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV số lượng 868 kg vận chuyển tiêu hủy đúng quy định; nhân nuôi 172.500 ong ký sinh, phóng thích 65.000 ong ký sinh ra môi trường tự nhiên. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 39 lớp tập huấn đầu vụ, phòng sâu bệnh trên lúa, hoa màu, cây ăn trái và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn cho 1.100 lượt nông dân dự; tập huấn, phòng trừ dịch hại tổng hợp trên lúa; lắp đặt 05 bể chứa bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật thu gom 868 kg bao bì, vỏ chai thuốc BVTV tiêu hủy theo quy định, 08 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 232 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; tiếp tục nhân nuôi ong ký sinh, bọ đuôi kim trong phòng thí nghiệm, phóng thích ra môi trường tự nhiên 90.000 ong ký sinh ra môi trường tự nhiên để khống chế bọ cánh cứng hại dừa.

b) Chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi gặp khó khăn, áp lực của bệnh dịch tả heo Châu Phi lây lan nhanh khó kiểm soát, 01 ổ dịch Cúm gia cầm 700 con xảy ra ở xã Hiệp Hoà, huyện Cầu Ngang. Tuy giá heo tăng 9.000 đồng/kg so với tháng trước do khan hiếm nguồn cung cho thị trường nhưng người dân không tái đàn trong thời gian tới. Tính đến ngày 16/8/2019, toàn tỉnh có 11.036 con heo của 490 hộ chăn nuôi bị bệnh dịch tả heo Châu Phi (tổng sản lượng thịt hơi bị thiệt hại 608 tấn) ở 156 ấp - khóm 49 xã, phường, thị trấn của 08 huyện và thị xã (trừ thành phố Trà Vinh)⁽¹⁾;

⁽¹⁾ Gồm: Huyện Hội, Tân Bình, Tân An, An Trường, An Trường A, Mỹ Cẩm, Bình Phú, Phương Thạnh (huyện Càng Long); Hiệp Mỹ Tây, Hiệp Mỹ Đông, Thạnh Hoà Sơn, Thuận Hoà, Long Sơn, Nhị Trường, Thị trấn Cầu Ngang, Vĩnh Kim, Mỹ Hoà, Hiệp Hoà, thị trấn Mỹ Long (huyện Cầu Ngang), Thạnh Phú, Hoà Tân, An Phú Tân,

ngành đã phối hợp với địa phương tổ chức xử lý tiêu hủy kịp thời, đúng theo quy định và thực hiện tiêu độc khử trùng; tạm ngưng hoạt động 45 chốt kiểm dịch do hoạt động không có hiệu quả, đồng thời củng cố hoạt động của 69 chốt kiểm dịch, kiểm soát dịch bệnh tại các điểm xảy ra dịch bệnh và trên các tuyến đường giao thông chính, các bến đò, bến phà liên tỉnh để kiểm dịch vận chuyển động vật và sản phẩm thịt heo xuất, nhập tỉnh và ra, vào các điểm có dịch.

Tiêm phòng Cúm gia cầm 180 ngàn con; LMLM gia súc 1.960 con; Tai xanh heo 550 liều; các loại vắc xin khác 468.918 liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 10.452 con; trâu, bò 1.515 con; gia cầm 503.942 con; sản phẩm động vật 90,3 tấn. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng Cúm gia cầm 2,11 triệu con (giảm 60.232 gia cầm so cùng kỳ); LMLM gia súc 63.371 con (tăng 4.549 gia súc so cùng kỳ); Đại chó, mèo 13.795 con (tăng 2.404 con so cùng kỳ); Tai xanh heo 4.129 liều; các loại vắc xin khác 4,46 triệu liều (tăng 1,9 triệu liều so cùng kỳ). Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 170.006 con, giảm 46% so cùng kỳ (tương đương giảm 124.032 con); trâu, bò 14.627 con, tăng 29% so cùng kỳ (tương đương tăng 3.350 con); gia cầm 2,8 triệu con, tăng 48% so cùng kỳ (tương đương tăng 917.5033 con); sản phẩm động vật 636,6 tấn, tăng 31% so cùng kỳ (tương đương tăng 917,5 tấn).

c) Lâm nghiệp

Trồng mới 113,27 ha rừng tập trung; tổ chức 99 lượt tuần tra bảo vệ rừng, kết quả phát hiện 02 trường hợp vào khu vực rừng trồng cào Sò huyết và nghêu đã mời giáo dục nhắc nhở; cấp 02 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã. Nâng đến nay trồng mới 153,27 ha rừng tập trung, vượt 155% kế hoạch; đã giao 75 ngàn cây lâm nghiệp phân tán cho các địa phương trồng ven các tuyến đường giao thông nông thôn, đạt 100% kế hoạch, m sóc 570,63 ha, khoán bảo vệ 5.452 ha, vệ sinh phòng cháy 268,63 ha rừng phòng hộ đạt 100% kế hoạch; tổ chức 687 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 06 trường hợp phá rừng trái Pháp luật làm thiệt hại 300 m² rừng đước và mắm tại ấp Động Cao, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, vận chuyển 29,5m³ gỗ chưa có hồ sơ lâm sản, cào sò huyết và nghêu giống trong khu vực rừng trồng; xác nhận 18 bảng kê xuất bán và cấp 12 giấy phép nuôi động vật hoang dã.

Đang triển khai thi công gói thầu số 2 Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; đang thi công Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu; tiếp tục triển khai thực hiện 02 Phương án: (i) Thu thập tiêu bản thực vật rừng thân gỗ; (ii) Đo đạc, cắm mốc ranh giới rừng tại huyện Cầu Ngang thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Đang hoàn chỉnh Phương án chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất gắn với rà soát Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trình UBND tỉnh thông qua HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tam Ngãi, Thông Hoà, Ninh Thới, Hoà Ân, Châu Điền (huyện Cầu Kè), Thị trấn Cầu Quang, Phú Cần, Hiếu Trung, Long Thới, Tân Hoà (huyện Tiểu Cần), Hàm Tân, Hàm Giang, Kim Sơn, Ngọc Biên, An Quảng Hữu, Tân Hiệp (huyện Trà Cú), Hoà Lợi, Song Lộc (huyện Châu Thành), Đôn Xuân, Đôn Châu, Ngũ Lạc, Long Vĩnh, Long Khánh (huyện Duyên Hải), Phường 1, Phường 2, Dân Thành, Long Hữu (thị xã Duyên Hải).

d) Thủy sản:

Sản lượng thu hoạch trong tháng 26.428 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch đến nay 140.394 tấn, đạt 64,4% kế hoạch, tăng 16.597 tấn so cùng kỳ, cụ thể như sau:

- Nuôi trồng thủy sản: Môi trường nuôi từng bước được ổn định, người dân càng quan tâm hơn về kỹ thuật cải tạo ao hồ, nguồn nước sử dụng và chất lượng con giống nên dịch bệnh giảm đáng kể. Tuy diện tích nuôi có giảm hơn cùng kỳ nhưng sản lượng nuôi tăng đáng kể là nhờ chuyển đổi phương thức nuôi từ quảng canh cải tiến sang thâm canh và thâm canh mật độ cao tập trung chủ yếu ở con tôm thẻ chân trắng nhưng hiện nay giá tôm sú và tôm thẻ chân trắng đang xuống thấp, khó tiêu thụ do bị cạnh tranh với các loại tôm nhập khẩu ở các nước khác nên người nuôi không có lợi nhuận cao. Trong tháng thả nuôi 2.267 ha, thu hoạch 19.293 tấn (4.428 tấn cá lóc, 2.347 tấn tôm sú, 9.232 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đã thả nuôi 45.423 ha, thu hoạch 85.615 tấn (23.504 tấn cá lóc, 8.456 tấn tôm sú, 32.143 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 73,63% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 11.928 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 69,4 triệu con tôm sú giống, diện tích 278,6 ha; 279 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 404 ha; 25 triệu con cua biển, diện tích 1.135 ha; thu hoạch 13.060 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 1,52 tỷ con tôm sú, diện tích 19.373 ha; 3,6 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 6.057,8 ha; 147 triệu con cua biển, diện tích 17.895 ha (nuôi chuyên 1.381 ha); thu hoạch 46.758 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.558 tấn). Tuy nhiên, tôm nuôi vẫn còn xảy ra các bệnh như đốm trắng, hoại tử gan tụy và bệnh đường ruột đã làm cho 174 triệu con giống tôm sú chiếm 11,5% lượng giống thả nuôi (diện tích 1.039 ha) và 710 triệu con giống tôm thẻ chân trắng chiếm 19,5% lượng giống thả nuôi (diện tích 1.200 ha) bị thiệt hại.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 36,2 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 450 ha (cá lóc 15,5 triệu con, diện tích 26,88 ha); thu hoạch 6.232 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 197,7 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.876 ha (cá lóc 98 triệu con, diện tích 213,5 ha); thu hoạch 38.857 tấn (cao hơn cùng kỳ 6.370 tấn).

Tình hình thời tiết trên biển tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác hải sản của ngư dân, giá sản phẩm thủy sản khai thác tăng, tạo điều kiện cho ngư dân mạnh dạn đầu tư cải hoán tàu cá góp phần nâng cao hiệu quả của nghề khai thác thủy, hải sản. Ngư dân tập trung bám biển sản xuất, tự giác chấp hành việc đăng ký, đăng kiểm tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản,... của ngư dân được nâng lên. Trong tháng tổng sản lượng 7.136 tấn (983,8 tấn tôm), trong đó: Khai thác nội đồng 607 tấn (6,5 tấn tôm), khai thác hải sản 6.528 tấn (977,3 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng khai thác đạt 54.779 tấn (8.887,8 tấn tôm), đạt 70,23% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.669 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 6.154 tấn (1.476 tấn tôm), khai thác hải sản 48.625 tấn (7.412 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 687 tấn thủy sản (tôm sú 39 tấn, tôm thẻ 648 tấn), chế biến 654 tấn, tiêu thụ 407 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 3,56 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 4.568 tấn thủy sản (tôm sú 318 tấn, tôm thẻ 3.253 tấn), chế biến 3.814 tấn, tiêu thụ 2.132 tấn, kim ngạch xuất khẩu 15,36 triệu USD.

- Kiểm dịch 6,49 triệu con giống tôm sú và 53 triệu con giống tôm thẻ chân trắng. Nâng đến nay, kiểm dịch 78,99 triệu con tôm sú giống, 1,05 triệu con tôm thẻ chân trắng; thu 68 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 23 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Ngành đã thông báo kết quả đến địa phương và khuyến cáo người dân chủ động lấy nước để hạn chế mầm bệnh lây lan ra diện rộng.

e) Phát triển nông thôn

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 119 lớp về công tác xây dựng nông thôn mới cho 7.152 lượt người dự. Nâng tổng số đã tổ chức 926 cuộc tuyên truyền cho 32.223 lượt người dự; công nhận 176.964 hộ đạt 79,2% số phát động và 323 ấp đạt 47,36% tổng số ấp đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Vốn xây dựng nông thôn mới năm 2019 được phân bổ là 290,8 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 151 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 43,8 tỷ đồng), đang thi công đến nay đã giải ngân được 36,8 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 18,89 % kế hoạch vốn giao.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về NTM: Đến nay có 42 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 49,4%; 05 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 37 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 01 xã đạt dưới 10 tiêu chí.

+ Phối hợp tổ chức lễ công bố Quyết định công nhận xã Châu Điền và Phong Phú (huyện Cầu Kè) đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã nông thôn mới cho các địa phương còn lại. Chỉ đạo các địa phương tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 và chuẩn bị Hội nghị cấp tỉnh; Phối hợp với Sở, ngành, UBND cấp huyện theo dõi và có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM trên địa bàn tỉnh và rà soát tổng hợp kế hoạch vốn xây dựng nông thôn mới năm 2020.

- Chương trình giảm nghèo và ngành nghề nông thôn: Phối hợp với địa phương tổ chức các hoạt động Lễ Vu lan Thắng hội (Chùa Ông Bồn) huyện Cầu Kè năm 2019; lập các thủ tục để thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30^a, Chương trình 135 tiếp tục thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện dự án năm 2019.

- Kinh tế hợp tác: Thành lập mới 01 HTX nông nghiệp, tổ chức tập huấn 14 lớp (02 lớp thành lập mới HTX) triển khai Nghị định 98 của Chính phủ và Nghị quyết 78 của HĐND tỉnh cho 60 huyện và thành phố Trà Vinh. Nâng tổng số đến nay có 116 HTX, diện tích đất tham gia hợp tác sản xuất 4.964 ha với 10.375 thành viên, vốn điều lệ 53,38 tỷ đồng, 29 lớp (17 lớp thành lập mới HTX) và 20 lớp củng cố HTX trên địa bàn các huyện Cầu Kè, Châu Thành, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; phấn đấu 30% HTX kiểu mới hoàn thành các tiêu chí theo quy định.

- Chương trình mỗi xã sản phẩm OCOP: Tham mưu trình Hội đồng cấp tỉnh thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng cấp tỉnh về đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP (đã được phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-HĐCT ngày 07/8/2019); tham mưu trình UBND tỉnh áp dụng Bộ Tiêu chí tạm thời đánh giá, xếp hạng sản phẩm Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Trà Vinh giai đoạn năm

2019-2020 trình UBND tỉnh xem xét, cho chủ trương áp dụng; lập hồ sơ các bước về triển khai thực hiện Dự án Xây dựng và phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2019.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng 10 trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt khoảng 50% khối lượng; tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành tốt các trạm cấp nước hiện có; dự án xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn đã mở rộng 47.179 m ống đạt 75% cho các xã An Trường A (huyện Càng Long), Long Thới và Hiếu Tử (huyện Tiểu Cần), Châu Điền (huyện Cầu Kè); lắp đặt 785 đồng hồ nước, nâng tổng số lắp đặt mới cho 120.308 hộ; tiếp tục thực hiện các bước để tiến hành thanh lý tài sản 42 trạm cấp nước không còn sử dụng được theo Quyết định 1287/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện Kế hoạch chuyển đổi Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành Công ty cổ phần.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão

- Theo dõi tình hình vận hành công trình thủy lợi phục vụ sản xuất lúa vụ Hè Thu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tổ chức công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại các cơ sở sản xuất kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh 2019 (đợt 1). Kết quả kiểm tra 23/23 cơ sở, 12 cơ sở đạt loại A, 11 cơ sở đạt loại B.

- Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng Công trình duy tu, bảo dưỡng 1,466 km và công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn đường đaml Xóm Đáy, ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú; tiếp tục thi công sửa chữa 07 cây cầu trên tuyến đê biên đạt 85% khối lượng; đã phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và lập các thủ tục để chọn nhà thầu thi công 10/11 công trình thuộc nguồn vốn phòng, chống hạn mặn năm 2019.

- Tổ chức 20 đợt kiểm tra tình hình đê điều, phát hiện 03 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã tổ chức 136 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 28 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành giáo dục và xử lý theo quy định.

*** Tình hình thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3:**

Thiệt hại về nhà ở: 60 căn (sập hoàn toàn 10 căn; tốc mái, siêu vẹo 50 căn) trên địa bàn các xã Long Thới, Phú Cần, Tân Hùng, Long Thới, Phú Cần, thị trấn Tiểu Cần (huyện Tiểu Cần), Sông Lộc, Lương Hoà A, Thanh Mỹ (huyện Châu Thành), xã An Trường A, thị trấn Càng Long (huyện Càng Long) và Vinh Kim huyện Cầu Ngang. Ước thiệt hại khoảng 326,7 triệu đồng (25 căn nhà ở huyện Châu Thành chưa đánh giá mức độ thiệt hại). Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện cùng các ban ngành đoàn thể và chính quyền địa phương kịp thời đến thăm hỏi động viên các hộ dân xây dựng lại nhà ở; phối hợp với các đơn vị liên quan và chính quyền địa phương khảo sát sạt lở tuyến đê bao ven sông Tân Dinh thuộc ấp Bung Lớn B, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè.

Thiệt hại về sản xuất: Đổ ngã 2.404 ha lúa Hè Thu (trong đó có 2.349 ha tỉ lệ đổ ngã từ 10-30% và 55 ha tỉ lệ đổ ngã từ 30-70%), gồm: Tiểu Cần 1.436 ha, Châu Thành 925 ha, Cầu Kè 43 ha; thiệt hại về công trình, cây xanh: Sập 02 pano,

gãy đổ 10 cây me ở thị trấn Cầu Quan, 01 cây cổ thụ ở huyện Châu Thành, các địa phương đang tiến hành khảo sát và đánh giá mức độ thiệt hại.

b) Công tác xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 26 dự án (13 dự án chuyển tiếp và 13 dự án khởi công mới), gồm: 04 công trình phục vụ nuôi, khai thác thủy sản; 07 công trình đê, kè; 15 công trình dân dụng, giải ngân 172,8 tỷ đồng, đạt 26,1% kế hoạch (do bổ sung vốn). Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện 03 công trình trên địa bàn tỉnh, gồm công Tân Dinh và công Bông Bót, khối lượng đạt trên 50% và kênh Mây phốp - Ngã Hậu chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Kiểm tra, đánh giá 13 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 05 cơ sở loại A, 08 cơ sở loại B; cấp mới 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP 04 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm; thu 54 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (40 mẫu thủy sản), kết quả 01 mẫu không đạt chất lượng. Nâng đến nay đã kiểm tra, đánh giá 73 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 27 cơ sở loại A, 46 cơ sở loại B; cấp mới 39 giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 41 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm; thu 448 mẫu (282 mẫu thủy sản) phân tích các chỉ tiêu về ATTP, kết quả 439 mẫu đạt chất lượng, 09 mẫu không đạt chỉ tiêu ATTP đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 38 tàu cá, đăng ký 07 tàu, xoá đăng ký 01 tàu, cấp 19 sổ danh bạ (83 thuyền viên), cấp 53 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 285 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.351 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.620 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 87,3 triệu đồng; cấp 58 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 465 tấn. Nâng đến nay đã kiểm tra 360 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 14 tàu, đăng ký 49 tàu, xoá 11 tàu, cấp 98 sổ danh bạ (498 thuyền viên), cấp 275 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 2.129 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 11.076 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 12.177 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 939,6 triệu đồng; cấp 165 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 3.096 tấn; cấp phát và hướng dẫn ghi nhật ký khai thác thủy sản cho 153 tàu cá.

Thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 11 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 102 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, gia súc, thu 28 mẫu vật tư nông nghiệp và sản phẩm thực phẩm nông sản, thủy sản để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 10 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã tổ chức 18 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 577 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, gia súc, thu 270 mẫu

phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 124 trường hợp vi phạm.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông:

- Tổ chức được 38 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng lúa, rau màu, gia súc - gia cầm, bò sinh sản, nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, biện pháp phòng chống bệnh dịch tả heo Châu Phi, LMLM, Cúm gia cầm cho 728 lượt nông dân dự; tư vấn kỹ thuật sản xuất cho 1.144 lượt hộ trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Nâng tổng số đã tổ chức 293 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho 8.009 lượt nông dân dự; tư vấn kỹ thuật sản xuất cho 8.229 lượt hộ trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 03 cuộc phát sóng trực tiếp; 04 cuộc hội thảo trình diễn máy sạ lúa theo khóm và đánh giá, nhân rộng các mô hình hiệu quả trên địa bàn tỉnh cho 265 lượt người dự, 08 bản tin thời sự. Tiếp tục theo dõi 11 mô hình trình diễn (05 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp và 06 mô hình thuộc các nguồn vốn kết hợp).

- Tiếp tục triển khai thực hiện 02 dự án: (1) Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản, đến nay đã có 11 con bê tăng trưởng và phát triển tốt; xây dựng mô hình nuôi bò giống lai Sind: Chọn và phối giống nhân tạo chất lượng cao 320 con bò cái giống lai Sind ở 3 huyện (Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang), đã có 149 bê con sinh sản hiện bê còn phát triển tốt. (2) Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh đã trồng 11,2 ha cây giống: Huyện Châu Thành 5,1 ha và 6,1 ha ở huyện Cầu Kè cam được 17-20 ngày tuổi hiện phát triển tốt.

Công tác giống:

- Giống cây trồng: Chăm sóc 05 ha lúa giống OM 5451 (cấp nguyên chủng), đang trong giai đoạn đòng, trổ; tiếp tục chăm sóc các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh của năm 2018 chuyển sang; cung ứng 2.257 cây giống và 180 kg lúa giống. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay cung ứng 7.032 cây giống các loại và 79,18 tấn lúa giống (31,16 tấn giống cấp nguyên chủng).

- Giống thủy sản: Tiếp tục chăm sóc ấu trùng tôm càng xanh toàn đực và cá tra bột để xuất bán cho người nuôi; xuất bán 23 ngàn con cá tra giống, 980 ngàn con tôm càng xanh toàn đực. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay cung ứng, điều tiết 8,24 triệu post tôm sú, 210 ngàn con cá lóc, 4,02 triệu con cá tra giống, 3,62 triệu con tôm càng xanh toàn đực; điều tiết 30 ngàn con cua biển giống và 8,32 triệu con tôm thẻ chân trắng.

- Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc đàn dê bố mẹ, đàn vịt biển và đàn gà đang sinh sản, thu hoạch 2.407 trứng gà, cung ứng 196 con gà giống. Nâng tổng số đến nay đã thu hoạch 24.972 trứng (8.870 trứng gà), cung ứng 2.148 con gà, vịt giống (1.567 con gà).

4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bệnh dịch tả heo Châu Phi xảy ra trên diện rộng, diễn biến phức tạp, rất khó

kiểm soát làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển đàn heo của tỉnh nên khả năng sẽ không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Dịch bệnh ở tôm nuôi tiếp tục xảy ra do môi trường nuôi không ổn định, nông dân cải tạo ao chưa đúng kỹ thuật, sử dụng con giống và nguồn nước kém chất lượng tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh phát sinh. Công tác phòng chống dịch bệnh ở một số địa phương chưa quan tâm đúng mức trước điều kiện biến động như hiện nay.

Giá lúa, mía, dừa khô, heo hơi, tôm sú, tôm thẻ, cá tra ở mức thấp, nông dân sản xuất không lãi nên khả năng tái đầu tư trong các vụ sản xuất sau gặp khó khăn.

Tiến độ triển khai thực hiện các công trình thủy lợi còn chậm so với kế hoạch đề ra, tỷ lệ giải ngân còn thấp.

Một số đơn vị trực thuộc Sở tham mưu thực hiện các nhiệm vụ phân công còn chậm, chất lượng chưa cao, chưa đổi mới cách thức thực hiện để có hiệu quả tốt hơn.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 9

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành:

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Phương án chuyển đổi rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất gắn với rà soát Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán Đề án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Tổng hợp báo cáo thuyết minh 02 Đề án: Cải tạo vườn tạp và Đề án chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang cây trồng khác và nuôi thủy sản. Rà soát, đánh giá lại các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh làm cơ sở đề xuất tích hợp thành 01 chính sách chung

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt:

Tiếp tục theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh trên các loại cây trồng thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời, đặc biệt rầy nâu không để gổi vụ sang Thu Đông. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng sau khi thu hoạch lúa Hè Thu để xuống giống lúa vụ Thu Đông theo khung lịch thời vụ tại Thông báo số 371/TB-SNN-BVTV ngày 22/7/2019.

Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng hoa màu và các loại cây trồng khác, hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích màu đã xuống giống. Mở rộng diện tích trồng hoa màu theo hướng sản xuất hữu cơ, an toàn. Giám sát chặt chẽ diễn biến thời tiết, sâu, dịch bệnh và tăng cường công tác thông tin thị trường để linh hoạt điều chỉnh kế hoạch sản xuất; tăng cường quản lý giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức khám bệnh lưu động để tư vấn, hướng dẫn nông dân phòng chống sâu bệnh trên cây trồng.

b) Chăn nuôi

Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành tỉnh và địa phương tổ chức kiểm soát, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý heo nhiễm bệnh dịch tả heo Châu Phi và dịch

cúm gia cầm H5N1 đúng quy định; tiếp tục duy trì hoạt động của 69 chốt kiểm dịch động vật và đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn tỉnh năm 2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 418/QĐ-UBND ngày 14/3/2019; hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 2816/UBND-NN ngày 26/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và chính sách hỗ trợ người chăn nuôi heo (lợn) bị tiêu hủy tại Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, cơ sở ấp trứng gia cầm và cơ sở giết mổ tập trung; tăng cường hoạt động kiểm dịch thú y, tổ chức kiểm soát ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm và sản phẩm động vật; xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

c) Thủy sản

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội và các văn bản pháp luật dưới Luật; tiếp tục hướng dẫn số 104/HD-SNN ngày 07/6/2019 về Quy trình nuôi tôm nước lợ thâm canh mật độ cao áp dụng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện hoạt động tư vấn kỹ thuật và theo dõi chất lượng nguồn nước phục vụ cho nuôi trồng thủy sản; tăng cường quản lý chặt các khu nuôi thủy sản tự phát, tránh lây lan dịch bệnh ảnh hưởng đến toàn vùng, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp xả thải gây ô nhiễm môi trường; tiếp tục theo dõi tiến độ thả nuôi tôm nước lợ ở các huyện ven biển và nuôi thủy sản ở các huyện vùng nước ngọt; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước và thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; Tổ chức thẩm định kiểm tra hồ sơ tàu cá hưởng chính sách theo Quyết định 48/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; cấp giấy phép, thống kê nghề khai thác thủy sản, tuyên truyền hỗ trợ ngư dân thành lập mới các tổ đội đoàn kết sản xuất trên biển.

d) Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai công tác trồng rừng phòng hộ theo kế hoạch năm 2019 của các Dự án lâm sinh đã được phê duyệt; tiếp tục triển khai thực hiện 02 Phương án: Thu thập tiêu bản thực vật rừng thân gỗ và đo đạc, cắm mốc ranh giới rừng tại huyện Cầu Ngang thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản; tăng cường tuần tra, quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm; tiến hành kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã nông thôn mới cho các địa phương đăng ký thực hiện hoàn thành năm 2019; chỉ đạo các địa phương còn lại tiếp tục tổ chức Hội nghị 10 năm xây dựng nông thôn mới; tham mưu tổ chức Hội nghị tổng

kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo nhu cầu vốn xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Lĩnh vực ngành nghề nông thôn: Triển khai thực hiện các Dự án phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2019 và Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135; tham mưu tổ chức Hội thảo Giống nông nghiệp trong khuôn khổ Lễ hội Ok-Om-Bok năm 2019.

Kinh tế hợp tác: Hỗ trợ thành lập mới 05 HTX, tổ chức 05 lớp tập huấn; phân đầu có 40% HTX kiểu mới hoàn thành các tiêu chí theo quy định; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới, phát triển HTX theo Luật Hợp tác xã; triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX đã được UBND tỉnh ban hành.

Chương trình mỗi xã sản phẩm OCOP: Soạn thảo quy trình OCOP và hoàn chỉnh bộ tài liệu tập huấn sau đó triển khai in tài liệu và tổ chức tập huấn cho cán bộ xã, huyện; tổ chức Hội nghị triển khai Bộ Tiêu chí tạm thời cho các địa phương; triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án Xây dựng và phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2019.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thuê tư vấn đánh giá tài sản các trạm cấp nước hiện có để chuẩn bị Cơ sở phần hóa Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được phê duyệt; tiếp tục thực hiện Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2019. Tiếp tục mở rộng 17.883 m² ống cho trạm cấp nước xã Long Thới (huyện Tiểu Cần) và xã Châu Điền (huyện Cầu Kè); khảo sát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, làm cơ sở đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 600 hộ.

3. Công tác chuyên môn

Tổ chức 20 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản theo nhu cầu địa phương; tiếp tục thực hiện các mô hình thực hiện vốn sự nghiệp năm 2019 và các Dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi; phân công cán bộ trực tiếp tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản nước lợ và các đối tượng cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

Theo dõi tình hình diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, nguồn nước, phục vụ tốt cho sản xuất; lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long (Đoạn đê từ đôn Biên phòng Mỹ Long đến đường nhựa ấp Nhứt xã Mỹ Long Nam); thường xuyên kiểm tra các tuyến đê nhằm xử lý kịp thời các sự cố, bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão.

Tiếp tục tập huấn, tuyên truyền công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về ATTP nông, thủy sản; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản theo Nghị định số 15/2017/NĐ-CP; thông tin cảnh báo kết quả kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại trong sản phẩm để nhắc nhở cơ sở sản xuất, kinh doanh và

cảnh báo người tiêu dùng. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Công thương tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp tết Trung thu năm 2019.

Chăm sóc tốt đàn dê, gà, vịt biển, đàn cá tra, cá lóc giống và ấu trùng tôm càng xanh toàn đực, dứa, bưởi; tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão; tổ chức xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản theo quy định.

Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức 04 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, an toàn thực phẩm và kinh doanh vật tư nông nghiệp, kết hợp thu mẫu sản phẩm hàng hoá để phân tích, kiểm tra chất lượng. Triển khai 01 cuộc thanh tra trách nhiệm về phòng chống thiên tai của Chi cục Thủy lợi.

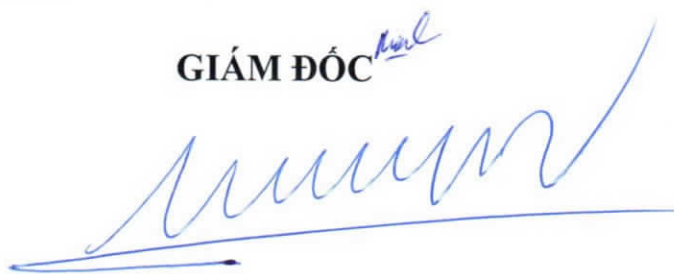
Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và triển khai thực hiện các dự án thủy lợi thuộc nguồn vốn phòng, chống hạn mặn năm 2019; thực hiện các bước lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long (Đoạn đê từ đôn Biên phòng Mỹ Long đến đường nhựa ấp Nhứt xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang).

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 8 và kế hoạch công tác tháng 9 năm 2019 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Truyền

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 8 NĂM 2019

(Tính đến ngày 15/8/2019)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	TH tháng 8	Ước thực hiện 8 tháng/2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	192.407	277.900	17.431	200.253	104,08%	72,06%
	Cây lương thực có hạt	Ha	152.103	227.600	13.496	161.565	106,22%	70,99%
1	- Cây lúa	Ha	149.181	222.600	13.272	158.797	106,45%	71,34%
	- Sản lượng	Tấn	563.321	1.244.900	81.394	565.054	100,31%	45,39%
	Trong đó							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	1.697	1.600		2.235	131,73%	139,71%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.697	1.600		2.235	131,73%	139,71%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	43,33	45,00		44,52	102,75%	98,93%
	- Sản lượng	tấn	7.353	7.200		9.952	135,35%	138,22%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.418	66.000		68.585	103,26%	103,92%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	66.418	66.000		68.585	103,26%	103,92%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	67,10	66,00		66,19	98,64%	100,28%
	- Sản lượng	tấn	445.658	435.600		453.938	101,86%	104,21%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	75.856	77.000		74.705	98,48%	97,02%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	20.615	77.000	15.845	19.716	95,64%	25,61%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,51	52,00	51,37	51,31	95,89%	98,68%
	- Sản lượng	tấn	110.311	400.400	81.394,0	101.165	91,71%	25,27%
	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha	5.210	78.000	13.272	13.272	254,74%	17,02%
	- Năng suất	Tạ/ha		51,50				
	- Sản lượng	tấn		401.700				
	Cây màu							
2	DT gieo trồng	Ha	43.226	55.300	4.159	41.456	95,91%	74,97%
	DT thu hoạch	Ha	33.145	55.300	3.355	30.358	91,59%	54,90%
2.1	Màu lương thực		4.915	7.900	403	4.759	96,82%	60,24%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.922	5.000	224	2.768	94,72%	55,35%
	- Diện tích thu hoạch	"	2.398	5.000	55	2.132	88,91%	42,64%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,4	54,00	57,28	57,21	105,17%	105,94%
	- Sản lượng	Tấn	13.045	27.000	312	12.197	93,50%	45,17%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.023	1.350	72	1.013	99,04%	75,05%
	+ Diện tích thu hoạch	"	823	1.350	64	692	84,08%	51,26%
	+ Năng suất	Tạ/ha	172,0	166,50	184,7	184,7	107,36%	110,90%
	+ Sản lượng	Tấn	14.156	22.478	1.189	12.778	90,27%	56,85%
	Sắn							

	+ Diện tích gieo trồng	Ha	584	900	58	594	101,70%	66,02%
	+ Diện tích thu hoạch	"	382	900	26	384	100,42%	42,62%
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,0	160,00	158,4	158,4	98,98%	98,98%
	+ Sản lượng	Tấn	6.112	14.400	405,4	6.075	99,39%	42,19%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	386	650	48	384	99,47%	59,06%
	+ Diện tích thu hoạch	"	265	650	9	239	90,26%	36,80%
2.2	Cây thực phẩm	Ha	24.619	31.500	2.976	24.493	99,49%	77,76%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	24.161	31.000	2.955	23.990	99,29%	77,39%
	+ Diện tích thu hoạch	"	18.859	31.000	2.557	17.283	91,64%	55,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	219,0	230,00	222,7	222,7	101,68%	96,81%
	+ Sản lượng	Tấn	413.012	713.000	56.937	384.841	93,18%	53,97%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	459	500	21	503	109,72%	100,68%
	+ Diện tích thu hoạch	"	470	500	38	395	84,04%	79,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,9	17,33	18,7	18,8	99,26%	108,25%
	+ Sản lượng	Tấn	888	910	71	741	83,42%	81,43%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm		13.691	15.900	780	12.204	89,14%	76,76%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.213	5.100	124	4.119	97,77%	80,76%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.814	5.100	214	3.733	97,88%	73,20%
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,80	51,29	54,27	54,29	104,81%	105,84%
	+ Sản lượng	Tấn	19.757	26.160	1.161	20.266	102,58%	77,47%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.814	4.500		2.803	58,22%	62,29%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.518	4.500	209	1.720	68,31%	38,22%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.053	1.050	981,20	912,00	86,61%	86,86%
	+ Sản lượng	Tấn	265.145	472.500	20.507	156.864	59,16%	33,20%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.873	2.700	162	1.904	101,67%	70,53%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.319	2.700	153	1.383	104,85%	51,22%
	+ Năng suất	Tạ/ha	112,6	115,00	114,3	114,3	101,51%	99,39%
	+ Sản lượng	Tấn	14.852	31.050	1.749	15.808	106,44%	50,91%
	Cây trồng khác	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.791	3.600	494	3.378	121,02%	93,84%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.297	3.600	30	2.397	104,35%	66,58%
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	35,5	60	113,27	153,27	431,75%	255,45%
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	713	444		570,63	80,03%	128,52%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.160	5.452		5.452	105,66%	100,00%
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	65	75		75	115,38%	100,00%
	- Vệ sinh PCCC rừng	Ha	259			268,63	103,72%	
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	54.629	53.200	2.267	45.423	83,15%	85,38%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	2.949	3.500	450	1.877	63,64%	53,62%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.334	2.000	221	1.249	93,63%	62,46%
	Trong đó: + Cá tra	"	45	40	0	41	91,24%	102,60%
	+ Cá lóc	"	193	270	27	213	110,81%	79,07%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.614	1.500	229	627	38,86%	41,82%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.614	1.500	229	627	38,86%	41,82%

	- Diện tích nuôi khác	"							
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	51.680	49.700	1.817	43.546	84,26%	87,62%	
	- Diện tích nuôi cá								
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	50.835	48.700	1.817	43.326	85,23%	88,97%	
	Trong đó: + Tôm sú	"	23.955	21.700	279	19.374	80,87%	89,28%	
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.656	8.500	404	6.058	91,01%	71,27%	
	+ Cua biển	"	20.224	18.500	1.135	17.895	88,48%	96,73%	
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	845	1.000	-	220	26,05%	22,00%	
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	123.797	218.000	26.428	140.394	113,41%	64,40%	
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	73.687	140.000	19.293	85.615	116,19%	61,15%	
2.1.2	Nuôi nước ngọt	Tấn	32.487	76.500	6.232	38.857	119,61%	50,79%	
	- Sản lượng cá	"	31.474	75.000	6.130	37.507	119,17%	50,01%	
	Trong đó: + Cá tra	"	5.939	20.000	572	5.807	97,77%	29,03%	
	+ Cá lóc	"	17.517	35.000	4.428	23.504	134,18%	67,16%	
	- Tôm càng xanh	"	1.014	1.500	102	1.350	133,18%	89,99%	
2.1.3	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	41.200	63.500	13.060	46.758	113,49%	73,63%	
	- Sản lượng cá nuôi	"							
	- Sản lượng giáp xác	"	40.384	58.500	12.433	44.670	110,61%	76,36%	
	Trong đó: + Tôm sú	"	7.935	12.000	2.347	8.456	106,56%	70,46%	
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	28.075	39.000	9.232	32.143	114,49%	82,42%	
	+ Nuôi cua biển	"	4.374	7.500	854	4.071	93,08%	54,28%	
	- Sản lượng thủy sản khác	"	816	5.000	628	2.089	255,83%	41,77%	
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	50.110	78.000	7.136	54.779	109,32%	70,23%	
2.2.1	Khai thác biển	"	44.164	68.000	6.529	48.625	110,10%	71,51%	
	+ Cá các loại	"	19.244	29.000	2.462	21.279	110,57%	73,38%	
	+ Tôm các loại	"	5.920	9.000	977	7.412	125,20%	82,35%	
	+ Thủy sản khác	"	19.000	30.000	3.089	19.934	104,92%	66,45%	
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	5.946	10.000	607	6.154	103,49%	61,54%	
	+ Cá các loại	"	2.805	5.000	484	3.210	114,44%	64,19%	
	+ Tôm các loại	"	1.919	3.000	7	1.476	76,91%	49,20%	
	+ Thủy sản khác	"	1.222	2.000	116	1.468	120,08%	73,40%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>								
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20.712		589	20.665	99,77%		
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.330		209	2.512	188,87%		
	- Diện tích thả nuôi	Ha	23.955		279	19.374	80,87%		
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	507		78	1.039	204,97%		
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.528		69	1.519	99,44%		
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	109		16	174	158,64%		
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	7		22	11	159,53%		
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>								
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	16.157		1.071	16.304	100,91%		
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3.226		309	3.575	110,82%		
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6.656		404	6.058	91,01%		
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.127		108	1.200	106,49%		
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3.763		279	3.634	96,57%		
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	675		66	710	105,15%		
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	18		24	20	108,89%		